ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG VIỆT HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:3520/TB-UBND	*Việt Hòa, ngày 02 tháng 11 năm 2026*

THÔNG BÁO
Về việc thanh lý hợp đồng thuê đất công ích (đất 5%) và thu hồi đất đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn phường Việt Hòa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi các Luật số 43/2024/QH15, 47/2024/QH15, 58/2024/QH15, 71/2025/QH15, 84/2025/QH15, 93/2025/QH15 và 95/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 1669/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hải Phòng năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 và Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 226/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quy định về việc phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai và trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn thành phố;

Căn cứ các hợp đồng thuê đất công ích đã ký kết trên địa bàn phường.

Các hợp đồng thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích (đất 5%) trên địa bàn phường Việt Hòa đã hết hạn mà chưa thanh lý. Ủy ban nhân dân phường Việt Hòa kế thừa quyền, nghĩa vụ của bên cho thuê theo các hợp đồng do Ủy ban nhân dân phường Việt Hòa, xã Cao An, phường Tứ Minh, thị trấn Lai Cách ký trước khi sắp xếp đơn vị hành chính. Theo Điều 179 Luật Đất đai năm 2024, quỹ đất này chỉ được cho thuê tiếp thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, vì vậy các hợp đồng nêu trên không được gia hạn.

Theo khoản 3 Điều 172 và điểm c khoản 1 Điều 82 Luật Đất đai năm 2024, đất cho thuê có thời hạn mà không được gia hạn thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất. Đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, Thông báo này đồng thời là thông báo thu hồi đất theo Mục II Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ủy ban nhân dân phường Việt Hòa thông báo đến tất cả các tổ chức, hộ gia

đình, cá nhân đang thuê đất công ích trên địa bàn phường như sau:

1. Đối tượng thanh lý, thu hồi đất

Toàn bộ hợp đồng thuê đất công ích (đất 5%) trên địa bàn phường đã hết hạn mà chưa thanh lý.

Danh sách hợp đồng, diện tích, thời hạn hợp đồng tại Phụ lục kèm theo Thông báo này. Thông báo gửi đến người thuê đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (nếu có).

2. Thời gian, địa điểm, hồ sơ

- Thời gian: **từ ngày 02/11/2026 đến hết ngày 17/11/2026**, theo lịch của từng khu dân cư, trong giờ hành chính.

- Địa điểm: Trụ sở Ủy ban nhân dân phường Việt Hòa (phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường).

- Hộ gia đình, cá nhân mang theo: bản gốc hợp đồng thuê đất, chứng từ nộp tiền thuê đất, căn cước của người đứng tên hợp đồng (hoặc văn bản ủy quyền hợp lệ).

- Tổ chức mang theo: bản gốc hợp đồng thuê đất, chứng từ nộp tiền thuê đất, giấy giới thiệu hoặc văn bản ủy quyền của người đại diện theo pháp luật, căn cước của người được cử đến làm việc.

- Người thuê đất có quyết định cho thuê đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mang theo bản gốc. Người thừa kế, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mang theo giấy tờ chứng minh.

3. Nội dung thanh lý

Đối chiếu vị trí, diện tích đất thuê; quyết toán tiền thuê đất (khoản còn nợ phải nộp đủ vào ngân sách phường); lập biên bản thanh lý hợp đồng và biên bản bàn giao đất tại thực địa.

4. Trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê đất

Thu hoạch, tháo dỡ tài sản, công trình tạm trên đất và bàn giao lại đất nguyên hiện trạng trước ngày 02/12/2026. Không được tiếp tục sử dụng, cho thuê lại, chuyển nhượng diện tích đất đã hết hạn hợp đồng.

Thời hạn thông báo thu hồi đất kết thúc vào hết ngày 01/12/2026. Tài sản tạo lập trong thời hạn của Thông báo này không được bồi thường (khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai năm 2024).

5. Trường hợp không đến thanh lý, không bàn giao đất

Quá thời hạn trên mà tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê đất không đến UBND phường (qua phòng Kinh tế) thực hiện việc thanh lý, Ủy ban nhân dân phường lập biên bản và xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Hộ gia đình, cá nhân: trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo, chậm nhất ngày 11/12/2026, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường ban hành quyết định thu hồi đất.

- Tổ chức: Ủy ban nhân dân phường tổng hợp hồ sơ, đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định thu hồi đất theo khoản 1 Điều 83 Luật Đất đai năm 2024.

6. Quản lý đất sau thanh lý, thu hồi đất

Ủy ban nhân dân phường trực tiếp quản lý quỹ đất; diện tích chưa sử dụng vào mục đích công ích sẽ được cho thuê thông qua đấu giá quyền sử dụng đất theo Điều 179 Luật Đất đai năm 2024 (có thông báo riêng). Cá nhân tại địa phương có nhu cầu đăng ký tham gia đấu giá theo thông báo đó.

7. Tổ chức thực hiện

- Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì rà soát, xác định vị trí, ranh giới, diện tích tại thực địa; cập nhật hồ sơ quản lý quỹ đất công ích; tham mưu phương án sử dụng và đấu giá cho thuê; xử lý hoặc tham mưu xử lý hành vi lấn, chiếm đất theo thẩm quyền. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường ban hành quyết định thu hồi đất; tổng hợp hồ sơ các tổ chức, tham mưu văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố.

- Phòng Kinh tế: Phối hợp lập danh sách hợp đồng theo từng khu dân cư; xây dựng lịch, lập biên bản thanh lý; đối chiếu hồ sơ; đối chiếu số tiền thuê đã nộp, còn nợ, nộp thừa của từng hợp đồng; đôn đốc thu nộp vào ngân sách phường; tham mưu xử lý các khoản nộp thừa theo quy định. Hoàn thiện Phụ lục kèm theo Thông báo này.

- Văn phòng HĐND và UBND: Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường. Niêm yết Thông báo và danh sách tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường.

- Công an phường: Bảo đảm an ninh, trật tự trong quá trình bàn giao đất.

- Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công: Tổ chức viết bài, tuyên truyền nội dung Thông báo trên hệ thống truyền thanh, trang thông tin điện tử và các nền tảng mạng xã hội để toàn thể nhân dân trên địa bàn phường nắm bắt được thông tin.

- Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam phường: Phối hợp tuyên truyền, vận động và giám sát phản ánh tâm tư nguyện vọng của nhân dân;

- Tổ trưởng các tổ dân phố: Thông báo đến từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê đất trong và ngoài danh sách (nếu có); phối hợp xác định mốc giới và chứng kiến bàn giao đất. Niêm yết Thông báo và danh sách tại địa điểm sinh hoạt chung hoặc nhà văn hóa của khu dân cư; lập sổ ký nhận Thông báo, gửi về phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường để lưu hồ sơ.

Mọi vướng mắc liên hệ: Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Đ/c Nam; Phó trưởng phòng; điện thoại: 0916.488.799

Phòng Kinh tế, Đ/c Trang; điện thoại: 0961.113.819

Ủy ban nhân dân phường Việt Hòa thông báo để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê đất công ích biết, thực hiện./.

Nơi nhận:
- TT Đảng ủy, TT HĐND phường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- UBMTTQ Việt Nam phường; Công an phường;
- Phòng XD, NN&MT; Phòng Kinh tế;
- Văn phòng HĐND&UBND; Trung tâm DVSNC;
- Các tổ dân phố;
- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê đất công ích;
- Chủ sở hữu tài sản, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: VT, XD-NN&MT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Hải

PHỤ LỤC

Danh sách hợp đồng thuê đất công ích (đất 5%)

phường Việt Hòa, thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Thông báo số 3520/TB-UBND ngày 02/[illegible]/2026 của Ủy ban nhân dân phường Việt Hòa)

STT	Họ và tên	Số hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Diện tích (m²)	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Phòng	01/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2024	954	
2	Đinh Công Việt	02/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	1.040,4	
3	Trần Quốc Văn	03/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	317	
4	Phạm Văn Thoan	04/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	194	
5	Ngô Văn Tấp	05/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	2.630,3	
6	Phạm Văn Tưởng	06/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	3.588,7	
7	Phạm Văn Thắng	07/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	2.798,8	
8	Nguyễn Thị Tới	08/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2024	288	
9	Trần Văn Hưởng	08a/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2024	2.160	
10	Nguyễn Văn Lực	01/HĐ-UBND ngày 01/01/2022	01/01/2022-31/05/2026	1.855,9	
11	Nguyễn Văn Vầy	02/HĐ-UBND ngày 01/01/2022	01/01/2022-31/05/2026	2.598,6	
12	Nguyễn Văn Giỏi	03/HĐ-UBND ngày 01/01/2022	01/01/2022-31/05/2026	2.550	
13	Phạm Duy Thông	04/HĐ-UBND ngày 01/01/2022	01/01/2022-31/05/2026	1.549	
14	Nguyễn Thị Nhung	05/HĐ-UBND ngày 01/01/2022	01/01/2022-31/05/2026	1.963	
15	Nguyễn Văn Vui	06/HĐ-UBND ngày 01/01/2022	01/01/2022-31/05/2026	2.383	
16	Nguyễn Văn Nhần	07/HĐ-UBND ngày 01/01/2022	01/01/2022-31/05/2026	1.402	
17	Nguyễn Văn Phận	08/HĐ-UBND ngày 01/01/2022	01/01/2022-31/05/2026	2.126	
18	Trần Văn Biên	09/HĐ-UBND ngày 01/01/2022	01/01/2022-31/05/2026	897	
19	Lưu Thị Xoan	10/HĐ-UBND ngày 01/01/2022	01/01/2022-31/05/2026	5.243	
20	Nguyễn Thị Tươi	11/HĐ-UBND ngày 01/01/2022	01/01/2022-31/05/2026	525	
21	Nguyễn Văn Đường	12/HĐ-UBND ngày 01/01/2022	01/01/2022-31/05/2026	3.344	
22	Phạm Thị Sự	13/HĐ-UBND ngày 01/01/2022	01/01/2022-31/05/2026	713,5	
23	Nguyễn Đức Hậu	14/HĐ-UBND ngày 01/01/2022	01/01/2022-31/05/2026	851	
24	Phạm Văn Lương	15/HĐ-UBND ngày 01/01/2022	01/01/2022-31/05/2026	2.356	
25	Ngô Văn Hùng	15a/HĐ-UBND ngày 01/01/2022	01/01/2022-31/05/2026	1.673	
26	Trần Văn Trỉnh	22/HĐ-UBND ngày 04/01/2022	04/01/2022-31/05/2026	2.878,9	
27	Nguyễn Văn Xây	23/HĐ-UBND ngày 04/01/2022	04/01/2022-31/05/2026	2.953	
28	Phạm Văn Giảng	01/HĐ-UBND ngày 01/02/2023	01/01/2023-31/05/2026	2.176,7	
29	Phạm Trường Giang	01/HĐ-UBND ngày 02/01/2025	01/01/2025-31/05/2026	3.665	
30	Phạm Trường Giang	02/HĐ-UBND ngày 02/01/2025	01/01/2025-31/05/2026	3.983	
31	Nguyễn Thị Tới	03/HĐ-UBND ngày 02/01/2025	01/01/2025-31/05/2026	3.946	

STT	Họ và tên	Số hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Diện tích (m²)	Ghi chú
32	Đào Văn Hiệp	06/HĐ-UBND ngày 01/4/2025	01/04/2025-31/05/2026	1.000	
33	Lê Văn Hùng	[...]	[...]		
34	Phan Văn Vĩnh	09/HĐ-UBND ngày 15/4/2025	15/04/2025-31/05/2026	307,4	
35	Phạm Trường Giang	14/HĐ-UBND ngày 24/6/2025	01/07/2025-31/05/2026	1.549	
36	Trần Văn Cuông	09/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	1.673	
37	Phạm Văn Thạo	10/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	700,2	
38	Ngô Văn Xuân	11/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	1.683	
39	Phạm Văn Chung	11a/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	7.989,6	
40	Nguyễn Văn Hùng	16/HĐ-UBND ngày 01/01/2022	01/01/2022-31/05/2026	2.878,9	
41	Nguyễn Văn Khởi	17/HĐ-UBND ngày 01/01/2022	01/01/2022-31/05/2026	4.382	
42	Vũ Thế Anh	17a/HĐ-UBND ngày 01/01/2022	01/01/2022-31/05/2026	715	
43	Trần Văn Toàn	24/HĐ-UBND ngày 04/01/2022	04/01/2022-31/05/2026	2.656,9	
44	Ngô Văn Khanh	12/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	1.843,8	
45	Phạm Đình Khương	13/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	3.322	
46	Phạm Minh Tiến	14/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	2.806	
47	Nguyễn Văn Thuấn vợ Lê Thị Lụa	15/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	3.703,2	
48	Nguyễn Thị Đăng	16/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	1.077,6	
49	Ngô Đức Nhượng	17/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	881,5	
50	Lã Như Dũng	18/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	2.258	
51	Đỗ Thị Ngát	19/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	2.020	
52	Phạm Hồng Cảnh	20/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	2.657,1	
53	Nguyễn Đình Thuyết	20a/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	928,7	
54	Nguyễn Đình Hưng	20b/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	4.529,2	
55	Trần Minh Cường và Phạm Đức Chỉnh	20c/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	1.852	
56	Nguyễn Văn Vương	20d/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	1.844,8	
57	Ngô Văn Khanh	18/HĐ-UBND ngày 01/01/2022	01/01/2022-31/05/2026	768,6	
58	Ngô Văn Quang	19/HĐ-UBND ngày 01/01/2022	01/01/2022-31/05/2026	1.504,8	
59	Trương Đức Dịnh	02/HĐ-UBND ngày 01/01/2023	01/01/2023-31/05/2026	1.534,7	
60	Ngô Đức Vang	03/HĐ-UBND ngày 01/01/2023	01/01/2023-31/05/2026	543,3	
61	Vũ Văn Đạt	04/HĐ-UBND ngày 07/02/2025	07/02/2025-31/05/2026	1.210,2	
62	Nguyễn Thị Tố Nga	05/HĐ-UBND ngày 01/4/2025	01/04/2025-31/05/2026	852	
63	Đào Đức Nhu	11/HĐ-UBND ngày 04/6/2025	04/6/2025-31/05/2026	1.041,1	
64	Trần Văn Định	21/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	2.301,3	
65	Trần Ngọc Hải	22/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	1.901	
66	Trần Văn Quyết	23/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	6.618	

STT	Họ và tên	Số hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Diện tích (m²)	Ghi chú
67	Lương Văn Phước	24/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	1.404,8	
68	Nguyễn Thị Vinh	25/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	1.225	
69	Nguyễn Văn Tâm	26/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	2.389	
70	Lê Văn Khuyến	27/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	2.055,5	
71	Nguyễn Thị Anh	28/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	3.092	
72	Cao Thanh Ngân	29/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	2.284	
73	Lương Văn Lùng	30/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	1.931	
74	Ngô Văn Trình	31/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	2.485,1	
75	Lương Văn Loãn	32/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	2.459,3	
76	Lương Thị Liền	33/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	2.288,6	
77	Lương Văn Dũng	04Q/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	2.696	
78	Trần Văn Bằng	11Q/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	2.033,6	
79	Phạm Văn Lanh	34/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	11.768,2	
80	Nguyễn Thị Biên	64/HĐ-UBND ngày 01/11/2021	01/11/2021-31/05/2026	4.027,2	
81	Trần Ngọc Khay	25/HĐ-UBND ngày 04/01/2022	04/01/2022-31/05/2026	1.233,7	
82	Lương Đức Tài	25/HĐ-UBND ngày 04/01/2022	04/01/2022-31/05/2026	681,5	
83	Trần Văn Phụng	04/HĐ-UBND ngày 01/01/2023	01/01/2023-31/05/2026	794,2	
84	Nguyễn Bùi Hà và Vũ Xuân Dương	12/HĐ-UBND ngày 04/6/2025	04/6/2025-31/05/2026	3.741,8	
85	Cao Thị Lành	35/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	360	
86	Cao Xuân Phú	36/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	5.886,5	
87	Trần Văn Toàn	37/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	1.753	
88	Nguyễn Thị Xuân Thu	38/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	1.210,2	
89	Nguyễn Văn Thập	39/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	10.331,5	
90	Nguyễn Văn Thập	40/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	2.477,4	
91	Nguyễn Thị Xuân Thu	41/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	3.550,2	
92	Nguyễn Thị Xuân Thu	42/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	6.678,9	
93	Nguyễn Văn Thập	43/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	4.986,1	
94	Nguyễn Văn Thập	44/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	4.223	
95	Nguyễn Cao Thiên	45/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	2.214,1	
96	Nguyễn Văn Thập	46/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	8.701,1	
97	Đoàn Văn Cộng	46a/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	1.765,2	
98	Đoàn Văn Cộng	46b/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	860,3	
99	Nguyễn Cao Thiên	20/HĐ-UBND ngày 01/01/2022	01/01/2022-31/05/2026	4.359,2	
100	Nguyễn Thị Hằng	07/HĐ-UBND ngày 01/4/2025	01/04/2025-31/05/2026	1.963	
101	Nguyễn Thị Xuân Thu	08/HĐ-UBND ngày 01/4/2025	01/04/2025-31/05/2026	2.160	

STT	Họ và tên	Số hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Diện tích (m²)	Ghi chú
102	Nguyễn Cao Thiên	10/HĐ-UBND ngày 04/6/2025	04/6/2025-31/05/2026	1.200	
103	Vũ Huy Long	10/HĐ-UBND ngày 01/6/2021	01/6/2021-31/05/2026	1.276,9	
104	Đinh Văn Khái	46/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	4.741,2	
105	Đinh Văn Tá	47/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	1.813,5	
106	Lê Thị Lại	48/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	255,1	
107	Nguyễn Công Hải	49/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	12.914,8	
108	Nguyễn Công Hải	50/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	8.684,9	
109	Nguyễn Công Hải	51/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	5.877,3	
110	Nguyễn Thị Khánh Linh	52/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	1.621	
111	Nguyễn Thị Khánh Linh	53/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	7.126,2	
112	Vũ Duy Long	54/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	1.276,9	
113	Phạm Đình Hùng	54a/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	1.866	
114	Lê Văn Việt	54b/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	4.705,8	
115	Ngô Văn Thuận	01/HĐ-UBND ngày 01/01/2021	01/01/2021-31/12/2026	2.773	
116	Nguyễn Văn Minh	01/HĐ-UBND ngày 04/01/2024	04/01/2024-31/05/2026	704	
117	Ngô Quang Tuấn	55/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	2.044,1	
118	Ngô Xuân Tịnh	56/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	4.943	
119	Lê Văn Chính	57/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	1.483	
120	Hồ Thị Quyên	58/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	580,9	
121	Phạm Quang San	59/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	2.758	
122	Nguyễn Thị Thảo	60/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	1.520,7	
123	Nguyễn Thị Quý	61/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	19.262,9	
124	Nguyễn Văn Hiền	62/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	3.598,4	
125	Ngô Thị Xạ	63/HĐ-UBND ngày 01/06/2021	01/06/2021-31/05/2026	6.299,3	
126	Cao Xuân Trường	21/HĐ-UBND ngày 01/01/2022	01/01/2022-31/05/2026	4.636,4	
127	Đinh Thị Hiền	27/HĐ-UBND ngày 04/01/2022	04/01/2022-31/05/2026	663,7	
128	Nguyễn Văn Hiền	02/HĐ-UBND ngày 01/7/2024	01/07/2024-31/05/2026	706,6	
129	Đặng Việt Xuân	13/HĐ-UBND ngày 09/6/2025	09/6/2025-31/05/2026	317	
130	Lương Văn Nhật	[...]	[...]		